BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN VĂN KIỆN
*
Số: 32-HD/TBVK

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG
Số đến 9559
Ngày 14/6/2025
Chuyển Cấp ủy, LĐB:

HƯỚNG DẪN

về việc xây dựng văn kiện đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau sáp nhập, hợp nhất

---

- Căn cứ Nghị quyết số 40-NQ/TW, ngày 08/10/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nội dung cơ bản một số văn kiện và quyết định thành lập 5 tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng;

- Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Căn cứ Kết luận số 160-KL/TW, ngày 31/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII về thực hiện nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, bảo đảm tiến độ, yêu cầu theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV và Tiểu ban Kinh tế - Xã hội Đại hội XIV của Đảng bổ sung Hướng dẫn xây dựng văn kiện đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau sáp nhập, hợp nhất như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Bám sát yêu cầu chuẩn bị văn kiện đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nêu trong Chỉ thị số 45-CT/TW và Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng (*tài liệu sử dụng tại đại hội đảng bộ cấp xã, cấp tỉnh và tương đương*), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tháng 5/2025.

- Xây dựng văn kiện đại hội bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khoa học; thể hiện rõ tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm: *"Một địa phương - Một tầm nhìn - Một hành động - Một niềm tin"*.

- Phản ánh đúng yêu cầu và không gian phát triển của địa phương trong kỷ nguyên mới; phát huy sức mạnh văn hóa, con người, khai thác tối đa cơ hội từ việc sáp nhập, hợp nhất, phát huy lợi thế bổ trợ, liên kết vùng và tính quy mô để tạo ra bước phát triển đột phá, nhanh và bền vững.

- Văn kiện đại hội các đảng bộ thuộc diện sáp nhập, hợp nhất không phải phép cộng các dự thảo văn kiện đã có, nội dung phải đánh giá tổng hợp, toàn diện kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân trên tầm nhìn không gian phát triển mới, để từ đó xác định rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá phát triển, giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ tới; bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, tính hành động cao, dễ giám sát, kiểm tra.

- Sử dụng đồng bộ, thống nhất số liệu thống kê kinh tế - xã hội trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2020 - 2025 bảo đảm khách quan, toàn diện, sát thực tế và xây dựng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

II- ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

- Các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc diện sáp nhập, hợp nhất. Các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không thuộc diện sáp nhập, hợp nhất để rà soát, bổ sung, hoàn thiện và nâng cao chất lượng văn kiện.

- Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ địa phương nhiệm kỳ 2020 - 2025 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển nhiệm kỳ 2025 - 2030 và những năm tiếp theo.

III- NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI CẦN THỂ HIỆN TRONG VĂN KIỆN

1. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ địa phương nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Kế thừa dự thảo các văn kiện đại hội đã được chuẩn bị, việc đánh giá cần bám sát tổng hợp kết quả đạt được trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và thực hiện 3 đột phá chiến lược, nâng cao năng lực quản trị, huy động nguồn lực, khai thác lợi thế địa phương và vùng, chủ động và đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử đã được xác định trong nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 của các địa phương trước khi sáp nhập, hợp nhất. Đánh giá phải bảo đảm tính thống nhất,

đồng bộ, phản ánh đầy đủ tình hình và kết quả phát triển trên tư duy và tầm nhìn đối với không gian phát triển mới sau sáp nhập, hợp nhất. Dữ liệu chi tiết và kết quả cụ thể của từng địa phương trước sáp nhập, hợp nhất cần được tổng hợp và đưa vào phụ lục văn kiện để phục vụ đối chiếu, so sánh, nhưng không tách rời khỏi nội dung đánh giá chung của địa phương mới sau sáp nhập, hợp nhất.

- Đánh giá phải toàn diện, khách quan, làm rõ cả những thành tựu, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Việc phân tích kết quả cần gắn với các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương, đặc biệt là các nghị quyết chuyên đề có tác động sâu rộng đến địa phương. Đồng thời, cần tập trung đánh giá rõ kết quả thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy sau sáp nhập, hợp nhất, nhất là trong việc bảo đảm hoạt động thông suốt, liên tục của tổ chức bộ máy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Làm rõ kết quả tích hợp về điều kiện phát triển như: Hạ tầng, nguồn nhân lực, cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, chuyển đổi số, các mô hình phát triển hiệu quả... Ngoài nhận định, đánh giá về kết quả chung đạt được theo số liệu hợp nhất, cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu vượt, đạt, không đạt so với nghị quyết đại hội của từng địa phương trước sáp nhập, hợp nhất và nguyên nhân.

- Làm rõ trọng tâm, điểm nhấn, cách làm sáng tạo, mô hình tiêu biểu cũng như những hạn chế, yếu kém, bất cập trong nhiệm kỳ vừa qua trong từng lĩnh vực: Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường; văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế; quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Cần chỉ rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan, nhất là những nguyên nhân chủ quan liên quan đến lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và phối hợp; thể chế, cơ chế, chính sách; trong phân bổ nguồn lực; tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo của cán bộ, đảng viên.

- Cần rút ra được các bài học kinh nghiệm tổng kết thực tiễn có giá trị lý luận dẫn dắt đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết; chú trọng tư duy phát triển mới, sự thống nhất, hành động đồng bộ và phát huy tinh thần đoàn kết, đồng thuận trong Đảng, hệ thống chính trị và trong Nhân dân; về đột phá thể chế, nâng cao năng lực quản trị, huy động nguồn lực, khai thác lợi thế địa phương và vùng.

- Trên cơ sở kết quả thực hiện, cần làm rõ các vấn đề đặt ra, yêu cầu, động lực và nền tảng cho bước phát triển mới, phù hợp với bối cảnh địa

phương đã sáp nhập, hợp nhất; nêu bật ý nghĩa chiến lược của việc hợp nhất trong mở rộng không gian phát triển, tăng cường kết nối vùng, phát huy nguyên tắc lợi thế nhờ quy mô để phát triển đột phá; tạo điều kiện cho việc hình thành tư duy phát triển mới, tầm nhìn mới, cơ chế, chính sách mới phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn phát triển mới.

- Đánh giá không chỉ nhằm tổng kết nhiệm kỳ 2020 - 2025 mà còn hướng tới nhiệm kỳ mới và những năm tiếp theo. Nội dung đánh giá cần tạo nền tảng cho việc xác định mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu chủ yếu, các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá phát triển của giai đoạn 2025 - 2030. Qua đó, bảo đảm sự kế thừa, liên thông trong định hướng phát triển, đồng thời thể hiện rõ bước chuyển chiến lược quan trọng sau sáp nhập, hợp nhất, mở ra giai đoạn phát triển mới cho địa phương trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Bối cảnh, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nhiệm kỳ 2025 - 2030 và những năm tiếp theo

- Phân tích bối cảnh và định vị mới của địa phương sau sáp nhập, hợp nhất; trên cơ sở đó cần làm rõ thời cơ, thuận lợi do mở rộng không gian phát triển...; đồng thời nhận diện rõ những khó khăn, thách thức về tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, không tổ chức cấp huyện, sự hoà nhập tổ chức bộ máy, chênh lệch phát triển nội vùng...

- Quan điểm phát triển cần thể hiện được tầm nhìn chiến lược, tính kế thừa, đổi mới và tinh thần hội nhập - liên kết vùng, nhằm khai thác tối đa cơ hội do mở rộng không gian phát triển, vượt qua những rào cản do khác biệt về thể chế, tổ chức bộ máy, trình độ phát triển nội vùng... Đồng thời, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo các nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược của Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình Đại hội XIV của Đảng.

- Các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm kỳ 2025 - 2030 và những năm tiếp theo phải bảo đảm tính thống nhất, có căn cứ thực tiễn, phù hợp với định hướng phát triển quốc gia, gắn với mục tiêu tăng trưởng hai con số của cả nước. Phải thể hiện được tinh thần "*Tầm nhìn quốc gia, hành động địa phương, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp*", từ đó tạo sự đồng thuận xã hội, thống nhất về tư duy, cách tiếp cận phát triển và quyết tâm chính trị trong toàn hệ thống.

- Nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá phát triển cần cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo các nghị quyết chuyên đề quan trọng gần đây của Bộ Chính trị, đặc biệt là: Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (*để tạo dựng môi trường phát triển mới*); Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*để xác lập mô hình và con đường phát triển mới*); Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân (*để xác định động lực phát triển mới*); Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (*để mở rộng nguồn lực, xác định phương thức và không gian phát triển mới*)...

- Kế thừa và phát huy hiệu quả nền tảng phát triển đã được hình thành, nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính liên thông trong không gian phát triển mới; thu hút đầu tư, tổ chức lại sản xuất theo hướng phù hợp với tiềm năng, lợi thế và kỳ vọng của địa phương sau sáp nhập, hợp nhất. Tận dụng tối đa cơ hội sáp nhập, hợp nhất để phát huy đầy đủ các tiềm năng bổ trợ và lợi thế so sánh vốn có, khai mở tiềm năng mới, khơi thông các điểm nghẽn; tái cấu trúc hệ thống hạ tầng liên tỉnh, vùng, liên vùng, nhất là hạ tầng giao thông; thiết lập lại các định hướng phát triển có tính liên kết và hình thành các chuỗi giá trị sản xuất, cung ứng chặt chẽ, hiệu quả hơn, tạo đà bứt phá một cách bền vững.

- Làm rõ định hướng, cụ thể hoá nhiệm vụ *"cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm động lực chính"* để tạo sức bật mới và hiệu ứng lan toả phát triển, bảo đảm duy trì tăng trưởng kinh tế cao, ổn định trong trung và dài hạn của địa phương.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quyết sách chiến lược của Trung ương về văn hóa, giáo dục, y tế, mục tiêu xoá nhà tạm, nhà dột nát; miễn học phí, miễn viện phí; xoá hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2020 - 2025); ...của địa phương vào năm 2030.

- Xây dựng các giải pháp đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện mô hình quản trị, quản lý phát triển địa phương theo hướng chuyển từ tư duy *"quản lý - kiểm soát"*, *"không quản được thì cấm"* sang tư duy *"phục vụ, kiến tạo, đồng hành"*, *"đổi mới và thích ứng"*, để thực hiện tốt chủ trương *"địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"*, tạo lập môi trường thuận lợi nhất cho sáng tạo, đầu tư và phát triển, đặc biệt là phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân, củng cố niềm tin, tạo khí thế và xung lực mới cho phát triển kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh cho địa phương và quốc gia.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ chủ trì cùng với các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ các địa phương trong diện sáp nhập, hợp nhất, chỉ đạo khẩn trương kiện toàn Tiểu ban Văn kiện, Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh, thành phố, hoàn thiện dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 trước ngày 30/6/2025, kịp thời xin ý kiến thảo luận của các đại hội đảng bộ cấp xã, phường và tương đương của địa phương.

2. Giao Đảng ủy Bộ Tài chính chỉ đạo Cục Thống kê: Cung cấp số liệu thống kê kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 - 2024 của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau sáp nhập, hợp nhất. Xây dựng kịch bản cơ sở về tăng trưởng kinh tế (GRDP) của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sáp nhập, hợp nhất.

3. Giao Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương trước sáp nhập, hợp nhất, dựa trên Hướng dẫn này chỉ đạo việc hoàn thiện dự thảo các văn kiện trình đại hội đảng bộ cấp xã sau sáp nhập, hợp nhất.

4. Giao Thường trực Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XIV phối hợp với Thường trực Tổ Biên tập Kinh tế - Xã hội tư vấn, hướng dẫn cụ thể và hỗ trợ các địa phương xây dựng dự thảo các văn kiện trình đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 nếu các địa phương có nhu cầu.

T/M THƯỜNG TRỰC TIỂU BAN VĂN KIỆN

Nguyễn Xuân Thắng
Uỷ viên Bộ Chính trị,
Giám đốc Học viện
Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,
Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các cơ quan đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Đảng uỷ các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng,
- Tiểu ban Kinh tế - Xã hội Đại hội XIV của Đảng,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC
GỢI Ý KHUNG ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Hướng dẫn số 32-HD/TBVK, ngày 11/6/2025 của Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)

Chủ đề Đại hội (nếu có)

Phương châm Đại hội

Đoạn mở đầu

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Bối cảnh, tình hình nhiệm kỳ 2020 - 2025

I- Kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2020 - 2025

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường,

3. Phát triển văn hoá, xã hội, con người

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Nguyên nhân của những kết quả đạt được

II- Hạn chế, yếu kém trong nhiệm kỳ 2020 - 2025

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

3. Phát triển văn hoá, xã hội, con người

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

III- Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

Mục này có thể tích hợp với Tổng kết 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới của địa phương (nếu có).

PHẦN II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I- Bối cảnh, tình hình

II- Quan điểm phát triển

III- Mục tiêu (mục tiêu chung, chỉ tiêu cụ thể)

IV- Nhiệm vụ trọng tâm

V- Các khâu đột phá

VI- Các giải pháp chủ yếu

Đoạn kết

CÁC PHỤ LỤC